

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Khánh

2. Ông Bùi Đức Quảng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy – Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Thu H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm B, xã L N, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm B, xã L N, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị **Đinh Thị Thu H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đinh Thị Thu H** và anh **Phạm Văn N** có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L N, huyện Th S vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng từ năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn không hạnh phúc

nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N không tu chí làm ăn, không tin tưởng nhau, vợ chồng từ đó nảy sinh cãi vã xung đột với nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng đã ly thân với nhau được khoảng 2 năm không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị H làm đơn xin được ly hôn anh Năm.

Về con chung: Chị Đinh Thị Thu H xác nhận chị và anh Phạm Văn N có 02 con chung là cháu Phạm Thành L, sinh ngày 03/02/2012 và Phạm Bích P, sinh ngày 29/4/2014. Hiện nay các con chung đều đang ở cùng anh N và ông bà nội. Nay ly hôn chị H xin được nuôi cháu P và không yêu cầu anh Năm cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị H đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng là 6.000.000đồng. Chị H đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường của con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị H khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Phạm Văn N trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N đều vắng mặt, để đảm bảo khách quan, công bằng, Tòa án đã liên hệ với chính quyền địa phương đến tại nhà ở anh Phạm Văn N tại xóm B, xã L N, huyện Th S tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc lấy lời khai của anh N. Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương có nhiều lần đến nhà ở của anh N. Tuy nhiên anh N đều vắng mặt Tòa án không gặp được. Do vậy tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Đinh Thị N là mẹ đẻ của anh Phạm Văn N và hiện đang ở cùng nhà anh N. Bà N đã cho biết như sau:

Anh Phạm Văn N là con trai ruột của bà N hiện nay anh N có đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xóm B, xã L N, huyện Th S cùng bà Ninh. Thời gian gần đây anh N đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà và vẫn thường xuyên trao đổi với gia đình qua điện thoại, gia đình có nhận được các giấy báo và văn bản của Tòa án đều thông báo lại cho anh N nhưng anh N bận công việc chưa về Tòa án làm việc được. Qua điện thoại anh N nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh N và chị H có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L N, huyện Th S vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường nảy sinh cãi vã xung đột do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tu chí làm ăn, vợ chồng đã ly thân với nhau một thời gian dài không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H làm đơn xin ly hôn quan điểm của gia đình là hoàn toàn nhất trí. Bà N cho biết thêm anh N và chị H có 02 con chung là cháu Phạm Thành L, sinh ngày 03/02/2012 và Phạm Bích P, sinh ngày 29/4/2014. Hiện nay các con chung đều đang ở cùng anh N và vợ chồng bà N. Từ ngày vợ chồng ly thân chị H không quan tâm gì đến các con. Nay chị H và anh N ly hôn quan điểm của gia đình bà N là thống nhất và tha thiết xin được nuôi hai con chung. Gia đình không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Bà N khẳng định chị H và anh N không có tài sản chung, nợ chung và không có đóng góp gì cho gia đình.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán

đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh N. Về con chung: Giao cho anh N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu: Phạm Thành L, sinh ngày 03/02/2012, giao cho chị Đinh Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Bích P, sinh ngày 29/4/2014 đến khi các con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Phạm Văn N, đối chiếu với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th S theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hoài có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh N được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả chị H và anh N là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã L N, huyện Th S. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị H, lời khai của bà N là mẹ đẻ của anh N và quá trình xác minh tại khu dân cư xóm B, xã L N, Tòa án đã xác định được: Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, làm ăn kinh tế gặp khó khăn từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã. Hiện nay anh Năm đi làm ăn xa, chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vợ chồng ly thân với nhau từ lâu không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị H khẳng định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên kiên quyết xin ly hôn. Về phía bị đơn anh Phạm Văn N quá trình Tòa án giải quyết vụ án có biết việc Tòa án thụ lý vụ án, biết việc Tòa án đến làm việc nhưng anh N không đến Tòa án. Thậm chí Tòa án và chính quyền địa phương có đến tại nhà ở để lấy lời khai nhưng anh N cũng không hợp tác.

Như vậy có thể thấy thực tế đời sống chung vợ chồng giữa chị H và anh N thực tế không tồn tại, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, anh N cố tình

trốn tránh không đến tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh N không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là cháu Phạm Thành L, sinh ngày 03/02/2012 và Phạm Bích P, sinh ngày 29/4/2014. Hiện nay các con chung đều đang ở cùng anh N và ông bà nội. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu P và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N và gia đình có nguyện vọng xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của cả hai bên đều chính đáng, xong HĐXX nhận thấy: Anh N và chị H đều là lao động tự do, về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh là như nhau. Mặc dù cả hai cháu hiện đang ở cùng anh N và ông bà nội nhưng anh N thường xuyên đi làm ăn xa nên cũng không thể đảm bảo được điều kiện tốt nhất cho hai con. Nguyện vọng của cháu L xin được ở với bố. HĐXX xét thấy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con cần giao cháu L cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu P cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu thành niên là phù hợp. Do mỗi người nuôi một cháu nên cả hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung; tư trang riêng và công sức đóng góp: Chị H và anh N đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị H phải nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu: Phạm Thành L, sinh ngày 03/02/2012 đến khi cháu L thành niên. Giao cho chị Đinh Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Bích P, sinh ngày 29/4/2014 kể từ tháng 5/2021 đến khi cháu P thành niên. Chị H và anh N đều không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0003356 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th S. Nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND xã nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- Cơ quan THADS huyện.
- UBND xã Lương Nha
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Trần Thị Duyên Hòa